

Số: 3540 /BC-UBND

Triệu Sơn, ngày 12 tháng 12 năm 2016

## **BÁO CÁO**

### **Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản năm 2016 và kế hoạch công tác năm 2017**

Thực hiện Công văn số 3570/SNN&PTNT-QLCL ngày 21/11/2016 về việc báo cáo kết công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản năm 2016 và kế hoạch công tác năm 2017, UBND huyện Triệu Sơn báo cáo như sau:

#### **I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

##### **1. Công tác xây dựng, triển khai cơ chế, chính sách, pháp luật**

Xác định năm 2016 là năm thực hiện nhiều nội dung về an toàn thực phẩm, quản lý vật tư nông nghiệp nên từ cuối năm 2015 huyện đã xây dựng, ban hành các văn bản chỉ đạo, quản lý quan trọng, cụ thể như sau:

- Kế hoạch số 2172/KH-UBND ngày 04/12/2015 của UBND huyện về việc triển khai đợt cao điểm hành động năm vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP) trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Ngày 11/12/2015 UBND huyện đã tổ chức hội nghị triển khai kế hoạch phát động đợt cao điểm năm VSATTP trong lĩnh vực nông nghiệp, tập huấn Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT, Thông tư số 51/2014/TT-BNNPTNT.

- Quyết định số 4067/QĐ-UBND ngày 17/12/2015 của Chủ tịch UBND huyện về việc quyết định thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện năm VSATTP trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Công văn số 2355/UBND-NN ngày 31/12/2015 của UBND huyện về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện đợt cao điểm VSATTP trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 04/01/2016 của Chủ tịch UBND huyện về việc quyết định thành lập đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản trên địa bàn huyện.

- Tham gia xây dựng, góp ý các dự thảo, đề xuất của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc quy định tiêu chí xây dựng chuỗi cung ứng thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn trên địa bàn tỉnh và Hướng dẫn xác nhận nguồn gốc sản phẩm thực phẩm nông lâm thủy sản thuộc trách nhiệm quản lý của UBND xã, thị trấn, đánh giá thủ tục hành chính cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

- Triển khai các nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết 04-NQ/TU ngày 18/8/2016 của Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Tổ chức hội nghị tập huấn kiến thức VSATTP trong lĩnh vực nông nghiệp năm 2016. Xây dựng kế hoạch thực hiện mô hình chuỗi cung ứng NLTS an toàn.

- Chỉ đạo UBND các xã, thị trấn tăng cường công tác quản lý nhà nước và đặc biệt quan tâm đến công tác tham mưu của cán bộ công chức được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về chất lượng VTNN và ATTP nông, lâm, thủy sản trên địa bàn quản lý. Chỉ đạo, hướng dẫn UBND các xã, thị trấn tổ chức ký cam kết chăn nuôi an toàn, không sử dụng chất cấm trong chăn nuôi; ký cam kết sản xuất rau an toàn với các hộ sản xuất.

## **2. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về chất lượng VTNN& ATTP nông lâm thủy sản:**

- Số liệu thống kê: (theo biểu số 01)

- Công tác tuyên truyền, phổ biến: UBND huyện đã tổ chức hội nghị, phổ biến, cập nhật văn bản pháp luật về công tác quản lý VTNN và VSATTP cho cán bộ làm công tác quản lý chất lượng VTNN và VSATTP cấp huyện và cấp xã như: Luật an toàn thực phẩm, Nghị định 178/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt hành chính về an toàn thực phẩm, Nghị định số 119/2013/NĐ-CP của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y, giống vật nuôi và thức ăn chăn nuôi, Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT, Thông tư số 51/2014/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến, đã được đẩy mạnh qua đó giúp nông dân, hợp tác xã, chủ trang trại, cơ sở sản xuất, kinh doanh hiểu rõ các quy định của nhà nước trong hoạt động sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản, cũng như ý thức trách nhiệm đối với người tiêu dùng được nâng lên rõ rệt.

## **3. Hướng dẫn các cơ sở sản xuất kinh doanh về đảm bảo ATTP; liên kết hình thành chuỗi cung cấp thực phẩm an toàn; xúc tiến thương mại và quảng bá sản phẩm an toàn có xác nhận**

### **3.1. Hướng dẫn các cơ sở sản xuất kinh doanh về đảm bảo ATTP**

- Thống kê số liệu: (Theo biểu số 2)

- Trong năm 2016 tháng đầu năm UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phối hợp hướng dẫn, tập huấn cho trên 300 cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản về đảm bảo VSATTP, tập trung vào các nhóm trang trại chăn nuôi, cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm, cơ sở sản xuất rau và các cơ sở chế biến sản phẩm có nguồn gốc từ động vật. Công tác hướng dẫn các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đảm bảo điều kiện VSATTP được tiến hành kết hợp với công tác kiểm tra, giám sát.

### **3.2. Giám sát sản phẩm nông sản, thủy sản**

Số liệu giám sát ATTP của đơn vị: (Theo biểu số 3)

### **3.3. Xúc tiến thương mại và quảng bá sản phẩm an toàn**

- UBND huyện đang chỉ đạo xây dựng các cửa hàng giới thiệu, bày bán sản phẩm rau an toàn. Hiện nay, HTX rau an toàn Dân Lý đã phối hợp với Công ty TNHH Bắc Trung Nam để tiêu thụ sản phẩm rau an toàn cho HTX. Trong hoạt động chăn nuôi, trên địa bàn huyện có 03 trang trại nuôi lợn liên kết với Công ty Cổ phần thức ăn chăn nuôi Thái Dương và Công ty Cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam để liên kết sản xuất từ khâu con giống, thức ăn, thuốc thú y và bao tiêu sản phẩm (tăng 01 trang trại so với năm 2015).

- Xác định hoạt động xúc tiến thương mại và quảng bá sản phẩm có ý nghĩa quan trọng trong công tác quản lý nhà nước về đảm bảo VSATTP, UBND huyện đã và đang tích cực tìm kiếm thị trường, kết nối tiêu thụ giữa các nhà sản xuất với cơ sở kinh doanh, phân phối sản phẩm trên địa bàn huyện.

#### **4. Kiểm tra, thanh tra**

##### **4.1. Kết quả triển khai Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT**

- Việc thống kê, lập danh sách cơ sở: Toàn huyện có khoảng 225 cơ sở kinh doanh VTNN, 250 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản.

- Việc kiểm tra, đánh giá phân loại cơ sở: Số cơ sở đã tổ chức kiểm tra, đánh giá và phân loại là 43 cơ sở, bao gồm 25 cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản, 8 cơ sở chăn nuôi và 10 cơ sở kinh doanh vật tư nông nghiệp.

Trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản, số cơ sở đạt loại A là 10/43 cơ sở (chiếm 23,26%), số cơ sở đạt loại B là 27/43 (chiếm 62,79%), số cơ sở xếp loại C là 6/43 (13,95%). Trong lĩnh vực kinh doanh vật tư nông nghiệp, số cơ sở đạt loại A là 4/10 cơ sở (chiếm 40%), số cơ sở xếp loại B là 6/10 cơ sở (chiếm 60%), không có cơ sở xếp loại C. Kết quả kiểm tra, đánh giá, xếp loại các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đã được cập nhật đầy đủ trên hệ thống quản lý dữ liệu thống kê của Bộ Nông nghiệp và PTNT ([thongke.mard.gov.vn](http://thongke.mard.gov.vn)).

- Việc công khai kết quả kiểm tra: Kết quả kiểm tra, xếp loại đã được công khai trên hệ thống đài truyền thanh các xã, thị trấn và niêm yết tại các cơ sở được kiểm tra.

- Xử lý các cơ sở loại C, tái kiểm tra loại C: Đối với 3 cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản xếp loại C, đã chỉ đạo khẩn trương các lỗi vi phạm, trong thời gian tới, sẽ tái kiểm tra, nếu các cơ sở trên chưa khắc phục đầy đủ các lỗi vi phạm sẽ xử lý (tước giấy phép đăng ký kinh doanh, không cho hoạt động).

##### **4.2. Kết quả triển khai Thông tư số 51/2014/TT-BNNPTNT**

- Công tác phổ biến, hướng dẫn về thực hành sản xuất thực phẩm an toàn cho các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ.

- Đã tổ chức hội nghị tập huấn Thông tư 51/2014/TT-BNNPTNT cho các đối tượng là phó Chủ tịch UBND các xã, thị trấn, cán bộ phụ trách nông nghiệp, đại diện các cơ sở sản xuất nông lâm thủy sản ban đầu của các xã, thị trấn; Chỉ đạo UBND các xã, thị trấn hướng dẫn các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ mà chủ yếu là các cơ sở cơ sở chăn nuôi, trồng trọt nhỏ lẻ thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT cần phải thực hiện các điều kiện bảo đảm an toàn

thực phẩm theo quy định tại Thông tư số 51/2014/TT-BNNPTN, đồng thời tổ chức cho các cơ sở ký cam kết sản xuất an toàn theo đúng quy định.

- Ngày 27 tháng 9 năm 2016 UBND huyện tổ chức hội nghị tập huấn kiến thức vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP) trong lĩnh vực nông nghiệp năm 2016 cho các đối tượng là phó Chủ tịch UBND xã, cán bộ phụ trách nông nghiệp, đại diện các cơ sở chăn nuôi nông hộ, cơ sở giết mổ tại các xã, thị trấn.

- Kết quả thực hiện ký cam kết:

Loại hình	Số cơ sở ký cam kết	Số cơ sở được kiểm tra thực hiện cam kết		Hình thức xử lý cơ sở không đạt yêu cầu
		Đạt	Không đạt	
Cơ sở trồng trọt nhỏ lẻ	280	240	40	Tiếp tục hướng dẫn cách thức sản xuất an toàn cho các cơ sở
Cơ sở chăn nuôi nhỏ lẻ	700	650	50	
Cơ sở nuôi trồng thủy sản nhỏ lẻ	24	24	0	

#### **4.3. Thanh tra, kiểm tra, truy xuất, xử lý vi phạm**

- Tiến hành kiểm tra 39 cơ sở kinh doanh thuốc thú y, phân bón, thuốc BVTV, thức ăn chăn nuôi. Trong đó 14 cơ sở kinh doanh vi phạm lỗi bị xử phạt (chủ yếu là lỗi phạt về vi phạm hành chính, không có chứng chỉ hành nghề); số tiền phạt là 21.250.000 đồng.

#### **5. Tình hình áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (như VietGAP, GlobalGAP, GMP, HACCP, ISO 22000...)**

- Số cơ sở được hướng dẫn GAP, VietGAP hoặc các hệ thống quản lý ATTP tiên tiến khác: 03 cơ sở.

- Số cơ sở được chứng nhận: 03 cơ sở (HTX sản xuất rau an toàn Minh Châu, HTX sản xuất rau an toàn Tiến Nông, HTX sản xuất rau an toàn Dân Lý).

- Số cơ sở được hướng dẫn đảm bảo điều kiện ATTP: 20 cơ sở.

- Số cơ sở được chứng nhận đủ điều kiện ATTP: 07 cơ sở

#### **6. Giải quyết các sự cố gây mất ATTP tại địa phương**

Nhìn chung, công tác quản lý VSATTP trên địa bàn huyện trong năm đã được làm tốt, không xảy ra các sự cố mất an toàn thực phẩm.

#### **7. Tăng cường năng lực**

##### **7.1. Về tổ chức, bộ máy:**

- Cấp huyện: Hiện nay huyện chỉ có 01 cán bộ làm công tác kiêm nhiệm lĩnh vực quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông, lâm, thủy sản.

- Cấp xã: cán bộ địa chính nông nghiệp làm công tác kiêm nhiệm lĩnh vực quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông, lâm, thủy sản.

##### **7.2. Về nhân sự:**

Ở cấp huyện và các xã, thị trấn chưa có công chức chuyên trách về công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm sản phẩm nông lâm thủy sản.

7.3. Về cơ sở vật chất, kỹ thuật: Từ cấp huyện đến xã chưa được trang bị đầy đủ về cơ sở vật chất, trang thiết bị để thực hiện nhiệm vụ.

## **II. ĐÁNH GIÁ**

### **1. Ưu điểm**

- Trong quá trình tổ chức thực hiện luôn có sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp từ huyện đến cơ sở. Các ban ngành, đoàn thể liên quan đều tích cực tham gia vào công tác quản lý chất lượng VTNN, ATTP nông, lâm, thủy sản trên địa bàn huyện.

- Các văn bản chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và PTNT, UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT đã được UBND huyện chỉ đạo triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến, đã được đẩy mạnh qua đó giúp nông dân, hợp tác xã, chủ trang trại, cơ sở sản xuất, kinh doanh hiểu rõ các quy định của nhà nước trong hoạt động sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản cũng như ý thức trách nhiệm đối với người tiêu dùng được nâng lên.

- Công tác kiểm tra, phát hiện chất cấm trong chăn nuôi, tồn dư hóa chất, kháng sinh trong thực phẩm có nguồn gốc động vật và tồn dư thuốc bảo vệ thực vật trong rau, quả đã được UBND huyện chỉ đạo quyết liệt, qua đó phát hiện và đã xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

- Công tác đánh giá, xếp loại các cơ sở sản xuất, kinh doanh VTNN và NLTS (theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT) và công tác quản lý các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ (theo Thông tư số 51/2014/TT-BNNPTNT) đã được làm tốt.

### **2. Tồn tại, hạn chế**

- Cán bộ thực hiện công tác quản lý VTNN và VSATTP cấp huyện, cấp xã còn thiếu, chưa được đào tạo chuyên môn kiểm tra, kiểm nghiệm; trang thiết bị phục vụ công tác quản lý VTNN và VSATTP còn hạn chế, công tác lấy mẫu giám sát chất lượng NLTS chưa thường xuyên.

- Cơ sở sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, trình độ kỹ thuật của người lao động chưa cao, gây khó khăn cho việc áp dụng các kỹ thuật sản xuất mới, quy trình thực hành sản xuất tốt và quản lý ATTP.

- Hoạt động của Ban chỉ đạo VSATTP trong lĩnh vực nông nghiệp còn mang tính hình thức, chưa thường xuyên và chưa phát huy vai trò trách nhiệm.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến nội dung văn bản nhà nước về ATVSTP còn hạn chế, chưa thường xuyên, liên tục

- Nhận thức về vấn đề ATTP từ các cấp quản lý đến người sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng thực phẩm chưa thực sự đầy đủ và nhất quán. Nhận thức của người tiêu dùng còn hạn chế trong việc sử dụng sản phẩm sạch và an toàn.

- Kinh phí chi cho công tác quản lý chất lượng VSATTP trong lĩnh vực nông nghiệp chưa nhiều, khó khăn trong triển khai thực hiện.

## **III. KẾ HOẠCH TRỌNG TÂM NĂM 2017**

## **1. Mục tiêu**

1.1. Số lượng thực phẩm sản xuất, chế biến theo mô hình sản xuất lớn, tập trung trên địa bàn đáp ứng quy định về VSATTP là 1.900 tấn, chiếm 15% so với sản phẩm thực phẩm tiêu dùng trên địa bàn; trong đó:

- Sản lượng sản phẩm có nguồn gốc thực vật là: 700 tấn (500 tấn rau, 200 tấn lúa);

- Sản lượng sản phẩm có nguồn gốc động vật (Thịt gia súc, thịt gia cầm) là 1.200 tấn; trứng 2.000 nghìn quả.

1.2. Số lượng sản phẩm thực phẩm cung ứng từ ngoài địa bàn quản lý được kiểm soát chặt chẽ, đáp ứng các quy định về VSATTP là 2.500 (tấn), chiếm 20 % so với sản phẩm thực phẩm tiêu dùng trên địa bàn, trong đó:

- Sản lượng sản phẩm có nguồn gốc thực vật (Lúa, gạo; rau, củ, quả; quả) là 1.200 tấn;

- Sản lượng sản phẩm có nguồn gốc động vật (Thịt gia súc, thịt gia cầm) là 1.300tấn; trứng 2.000 nghìn quả;

1.3. Số lượng thực phẩm tiêu dùng trên địa bàn được cung cấp thông qua các chuỗi liên kết sản xuất, cung ứng thực phẩm an toàn có xác nhận 796 tấn, chiếm 10% so với sản phẩm thực phẩm tiêu dùng trên địa bàn; trong đó:

- Sản lượng sản phẩm có nguồn gốc thực vật (Lúa, gạo; rau, củ, quả; quả) là 148 tấn;

- Sản lượng sản phẩm có nguồn gốc động vật (Thịt gia súc, thịt gia cầm) là 628 tấn; trứng 2.000 nghìn quả.

1.4. Số lượng cơ sở giết mổ đáp ứng quy định về điều kiện VSATTP là 159 cơ sở, chiếm 76,4% so với tổng số cơ sở giết mổ trên địa bàn.

1.5. Số lượng cơ sở bếp ăn tập thể của các cơ quan, doanh nghiệp, trường học, nhà hàng, khách sạn, cửa hàng ăn uống đáp ứng quy định về điều kiện VSATTP là 40 cơ sở, chiếm 70% so với tổng số cơ sở bếp ăn tập thể trên địa bàn.

1.6. Số chợ đạt tiêu chí được công nhận chợ đảm bảo VSATTP là 07 chợ; Số cửa hàng kinh doanh thực phẩm đạt tiêu chí được công nhận cửa hàng đảm bảo VSATTP là 351 cửa hàng.

1.7. Số xã, phường, thị trấn trên địa bàn đạt tiêu chí VSATTP là 15/tổng số 36 xã, thị trấn, chiếm 41,7%.

## **2. Nhiệm vụ và giải pháp**

### *2.1. Công tác xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật*

Triển khai thực hiện tốt cơ chế hỗ trợ sản xuất rau an toàn của tỉnh.

Tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn sản xuất rau an toàn theo quy trình VietGAP tại các xã Tiến Nông, Dân Lý, Minh Châu; phát triển thêm 02 cơ sở sản xuất tại xã Khuyến Nông và Tiến Nông.

*2.2. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về chất lượng VTNN& ATTP nông lâm thủy sản:*

- Triển khai áp dụng các chương trình, mô hình, tuyên truyền phổ biến sâu rộng hơn mạnh mẽ hơn xuống các xã, thị trấn: tập huấn kiến thức về ATTP trong sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản; hệ thống quản lý chất lượng VietGAP, mô hình sản xuất rau an toàn...

- Hướng dẫn người tiêu dùng các kiến thức nhận biết, lựa chọn các sản phẩm đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm.

- Thông báo kết quả đánh giá, xếp loại các cơ sở sản xuất, kinh doanh VTNN và sản phẩm NLTS theo Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT.

*2.3. Hướng dẫn các cơ sở sản xuất kinh doanh về đảm bảo ATTP; liên kết hình thành chuỗi cung cấp thực phẩm an toàn; xúc tiến thương mại và quảng bá sản phẩm an toàn.*

a. Hướng dẫn các cơ sở sản xuất kinh doanh về đảm bảo ATTP

Tiếp tục chỉ đạo các xã, thị trấn hướng dẫn các cơ sở sản xuất kinh doanh đảm bảo ATTP, tổ chức ký cam kết và báo cáo về UBND huyện

b. Số cơ sở được giám sát, xác nhận sản phẩm an toàn: 3 vùng sản xuất rau an toàn tại 3 xã, các cơ sở đã được chứng nhận đủ điều kiện ATTP.

c. Xúc tiến thương mại và quảng bá sản phẩm an toàn.

Tăng cường tuyên truyền, quảng bá các sản phẩm an toàn trên các phương tiện thông tin đại chúng. Tăng cường xúc tiến thương mại, tham gia, tổ chức hội chợ nhằm quảng bá các sản phẩm an toàn để người tiêu dùng biết đến và lựa chọn.

*2.4. Kiểm tra, thanh tra*

- Tiếp tục tổ chức kiểm tra kiến thức và cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm. Chứng nhận cơ sở sản xuất kinh doanh nông, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

- Thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá, xếp loại các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản trên địa bàn huyện theo Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT

- Chỉ đạo, đôn đốc UBND các xã, thị trấn việc thực hiện Thông tư số 51/TT/2014/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2014 về việc quản lý các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ.

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn (Phòng Nông nghiệp và PTNT, Trạm Thú y, Trạm BVTV, Công an huyện, Đội quản lý thị trường số 6) tiếp tục phối hợp chặt chẽ, tăng cường công tác kiểm tra, điều tra phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh VTNN và sản phẩm NLTS trên địa bàn huyện, kịp thời xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- Tổ chức đoàn kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh VTNN và sản phẩm NLTS trên địa bàn huyện, đánh giá, xếp loại theo Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT. Tổ chức giám sát hoạt động sản xuất, kinh doanh NLTS bằng việc lấy mẫu phân tích chất lượng.

- Xử lý những cơ sở vi phạm bằng các hình thức: Nhắc nhở, cảnh cáo, phạt tiền, thu giữ tiêu hủy những sản phẩm kém chất lượng,...

*2.5. Triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (như VietGAP...)*

- Tiếp tục xây dựng các mô hình sản xuất theo tiêu chuẩn quản lý chất lượng tiên tiến. Trong lĩnh vực chăn nuôi tập trung vào các cơ sở trang trại

chăn nuôi lợn, gia cầm, cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm; trong lĩnh vực trồng trọt tập trung vào xây dựng cửa hàng kinh doanh rau an toàn, phát triển thêm diện tích sản xuất rau an toàn tại 02 xã Khuyến Nông và Tiến Nông.

#### *2.6. Kiểm soát sự cố gây mất an toàn thực phẩm*

Tăng cường kiểm tra, kiểm soát ATTP; tuyên truyền nâng cao nhận thức của người sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng thực phẩm nhằm tránh mất an toàn thực phẩm, gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người.

#### *2.7. Tăng cường năng lực*

*2.7.1. Tổ chức, bộ máy:* Thành lập Ban chỉ đạo Quản lý chất lượng VTNN & ATTP nông lâm thủy sản, phân công nhiệm vụ cụ thể từng cán bộ chuyên môn, tăng cường năng lực quản lý đến từng xã, thôn.

*2.7.2. Nhân sự:* Tăng cường biên chế, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ công chức nhằm nâng cao năng lực hoạt động, thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của cán bộ thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng, ATTP nông, lâm, thủy sản.

#### *2.7.3. Về cơ sở vật chất, kỹ thuật:*

- Đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác quản lý chất lượng VTNN và ATTP nông, lâm, thủy sản.

- Đầu tư nghiên cứu, áp dụng tiến bộ khoa học trong quản lý chất lượng VSATTP nông, lâm, thủy sản.

#### *2.7.4. Về đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ:*

- Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ chuyên môn của huyện, xã để thực hiện tốt công tác quản lý VTNN và ATTP trong phạm vi quản lý.

### **IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

- Đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT quan tâm mở lớp tập huấn, đào tạo nghiệp vụ lấy mẫu đối với đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý VTNN và sản phẩm NLTS cấp huyện.

- Cấp các trang thiết bị kiểm tra nhanh chất lượng vệ sinh ATTP, VTNN cho huyện để huyện thực hiện quản lý hiệu quả hơn.

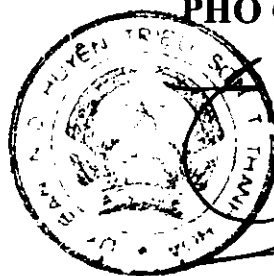
- Bổ sung biên chế chuyên trách thực hiện công tác vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm.

UBND huyện Triệu Sơn báo cáo Chi cục Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản kết quả công tác quản lý chất lượng VTNN, ATTP nông, lâm, thủy sản năm 2016 và Kế hoạch trọng tâm năm 2017./.

#### *Nơi nhận:*

- Sở NN&PTNT;
- Chi cục Quản lý CLNL&TS;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Xuân Dương**



**Biểu số 01 CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ CHẤT LƯỢNG  
VTNN& ATTP NÔNG LÂM THỦY SẢN  
(Kèm theo Công văn số 3540/UBND-NN ngày 12 tháng 12 năm 2016 của UBND huyện Triệu Sơn)**

Đối với người dân, cơ sở sản xuất, kinh doanh		Đối với người tiêu dùng									
Tờ rơi, tờ dán	Bảng rôn, khẩu hiệu, pano	Tin, bài báo	Clip, phóng sự truyền thanh, truyền hình, loa phát thanh	Hội nghị, hội thảo, tập huấn, tọa đàm	Tổng số người tham dự	Tờ rơi, tờ dán	Bảng rôn, khẩu hiệu	Tin, bài báo	Clip, phóng sự truyền thanh, truyền hình	Hội nghị khách hàng, Hội chợ	Số lượng người tham dự
900	30		01	05	500	350	30	03	05		

**Biểu số 02 KẾT QUẢ HƯỚNG DẪN CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH VỀ ĐẢM BẢO ATTP  
(Kèm theo Công văn số /UBND-NN ngày tháng 12 năm 2016 của UBND huyện Triệu Sơn)**

Hướng dẫn các cơ sở sản xuất kinh doanh về đảm bảo ATTP	
Tổng số cơ sở sản xuất kinh doanh	Số cơ sở được chứng nhận đủ điều kiện ATTP
445	02
Số cơ sở được hướng dẫn GAP hoặc các hệ thống quản lý ATTP tiên tiến khác	Số cơ sở được chứng nhận đủ điều kiện ATTP
170	50
Số cơ sở được hướng dẫn	Số cơ sở được chứng nhận đủ điều kiện ATTP
16	02

Biểu số 03

**KẾT QUẢ GIÁM SÁT NÔNG SẢN, THỦY SẢN**

(Kèm theo Công văn số: 5540/UBND-NN ngày 12 tháng 12 năm 2016 của UBND huyện Triệu Sơn)

**Đối với động vật và sản phẩm động vật**

STT	Loại mẫu	Tổng số mẫu	Tổng số mẫu vi phạm	Chi tiết mẫu vi phạm chỉ tiêu vi sinh		Chi tiết mẫu vi phạm chỉ tiêu hóa chất, kháng sinh, chất cấm		Chi tiết mẫu vi phạm chỉ tiêu ô nhiễm môi trường (kim loại nặng,..)		Biện pháp xử lý đối với trường hợp vi phạm
				Số mẫu vi phạm	Chỉ tiêu vi phạm	Số mẫu vi phạm	Chỉ tiêu vi phạm	Số mẫu vi phạm	Chỉ tiêu vi phạm	
1	Thịt các loại	26								
2	Sản phẩm chế biến từ thịt (giò, chả..)									
3	Trứng gà, vịt									
4	Nước tiêu	37								

**C. Đối với thực vật và sản phẩm thực vật**

STT	Loại mẫu	Tổng số mẫu	Tổng số mẫu vi phạm	Chi tiết mẫu vi phạm chỉ tiêu vi sinh		Chi tiết mẫu vi phạm chỉ tiêu hóa chất, kháng sinh, chất cấm		Chi tiết mẫu vi phạm chỉ tiêu ô nhiễm môi trường (kim loại nặng,..)		Biện pháp xử lý đối với trường hợp vi phạm
				Số mẫu vi phạm	Chỉ tiêu vi phạm	Số mẫu vi phạm	Chỉ tiêu vi phạm	Số mẫu vi phạm	Chỉ tiêu vi phạm	
1	Rau các loại	27								
2	Trái cây các loại									
3	Sản phẩm thực vật khác									

Biểu số 04

**THÔNG TIN VỀ CHUỖI NÔNG LÂM THỦY SẢN AN TOÀN VÀ SẢN PHẨM AN TOÀN**  
(Kèm theo Công văn số: 3540 /UBND-NN ngày 12 tháng 12 năm 2016 của UBND huyện Triệu Sơn)

Biểu số 04a

Số chuỗi	Chuỗi nông lâm thủy sản an toàn		Số cơ sở bày bán sản phẩm chuỗi	Xác nhận chuỗi	
	Nhóm sản phẩm	Nhóm sản phẩm		Số cơ sở bày bán sản phẩm an toàn được xác nhận	Nhóm sản phẩm
01	Chuỗi cung ứng lúa, gạo an toàn				
02	Chuỗi cung ứng rau, quả an toàn				
01	Chuỗi cung ứng rau		01		
01	Chuỗi cung ứng quả (trái cây)				
01	<b>Chuỗi cung ứng thịt gia súc, gia cầm an toàn</b>				
02	Chuỗi cung ứng thịt trâu, bò				
02	Chuỗi cung ứng thịt lợn				
02	Chuỗi cung ứng thịt gia cầm				
01	Chuỗi cung ứng trứng gia cầm				

Biểu số 04c

TT	Tên cơ sở/ xã thực hiện chính sách giống cây trồng (Lúa, Rau an toàn)	Diện tích (Ha)	Loại sản phẩm	Sản lượng sản phẩm an toàn được tiêu thụ tại cơ sở (tấn)	Đã được chứng nhận điều kiện ATPP/VietGAP/....
1	HTX rau an toàn Dân Lý	03	Rau	250	Chứng nhận VietGap
2	HTX rau an toàn Minh Châu	03	Rau	120	Chứng nhận VietGap
3	HTX rau an toàn Tiến Nông	03	Rau	100	Chứng nhận VietGap

Biểu số 05

**KẾT QUẢ CÔNG TÁC KIỂM TRA, THANH TRA CHUYÊN NGÀNH**  
(Kèm theo Công văn số: 3540/UBND-NN ngày 12 tháng 12 năm 2016 của UBND huyện Triệu Sơn)

Vật tư nông nghiệp					
Tổng số cơ sở được thanh, kiểm tra	Số cơ sở không đạt yêu cầu	Lý do vi phạm	Tổng số mẫu lấy	Số mẫu vi phạm	Lý do vi phạm
39	14	Vi phạm hành chính	6		